VJE Tạp chí Giáo dục, Số 496 (Kì 2 - 2/2021), tr 49-54 ISSN: 2354-0753

ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỤC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Phạm Thị Lĩnh

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
Email: phamthilinh@dntu.edu.vn

Article History
Received: 10/12/2020
Accepted: 28/01/2021
Published: 20/02/2021

Keywords
E-learning, universities, private universities, industrial revolution 4.0, technology.

ABSTRACT
With the "exponential" development of the fourth industrial revolution (Industry 4.0), online training (E-learning) is increasingly developing and becoming popular in all countries. In universities in Vietnam, online training is gradually asserting an important role, has more outstanding advantages than traditional forms of training. However, in private universities (PUs) in Vietnam, the application of this form of training, besides the basic advantages, still exists difficulties and obstacles. The article outlines the trend of online training development in Industry 4.0, analyzes the advantages and disadvantages of PUs when applying this form of training. From there, we propose a number of solutions to develop online training in PUs in Vietnam in the coming time. In order to develop online training, private universities need to drastically and synchronously deploy many solutions. At the same time, it is necessary to have timely support and orientation from the Government and state management agencies.

1. Mở đầu

Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) làm thay đổi căn bản cách mà chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau (Klaus Schwab, 2018). Có thể khái quát bốn đặc trưng chính của CMCN 4.0: (1) Dựa trên nền tảng của sự kết hợp công nghệ cảm biến mới, phân tích dữ liệu lớn, điện toán đám mây và kết nối Internet vạn vật sẽ thúc đẩy sự phát triển của máy móc tự động hóa và hệ thống sản xuất thông minh; (2) Sử dụng công nghệ in 3D để sản xuất sản phẩm một cách hoàn chỉnh nhờ nhất thể hóa các dây chuyền sản xuất không phải qua giai đoạn lắp ráp các thiết bị phụ trợ - công nghệ này cũng cho phép con người có thể in ra sản phẩm mới bằng những phương pháp phi truyền thống, bỏ qua các khâu trung gian và giảm chi phí sản xuất nhiều nhất có thể; (3) Công nghệ nano và vật liệu mới tạo ra các cấu trúc vật liệu mới ứng dụng rộng rãi trong hầu hết các lĩnh vực; (4) Trí tuệ nhân tạo và điều khiển học cho phép con người kiểm soát từ xa, không giới hạn về không gian, thời gian, tương tác nhanh hơn và chính xác hơn.

CMCN 4.0 đã và đang tác động sâu sắc, toàn diện đến mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của các quốc gia, trong đó có lĩnh vực giáo dục. CMCN 4.0 đòi hỏi phải có sự thay đổi về hệ thống giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng ở các quốc gia. Theo đó, giáo dục đại học phải trở thành "một hệ sinh thái", giúp sinh viên có thể cùng học tập mọi lúc, mọi nơi với các thiết bị được kết nối. Mục tiêu và cách thức đào tạo của các trường đại học phải chuyển từ truyền thụ kiến thức cho số đông sang khai phóng tiềm năng, đồng thời trao quyền sáng tạo cho từng cá nhân. Người dạy sẽ chuyển sang vai trò mới là người thiết kế, xúc tác, cố vấn và tạo môi trường học tập (Phan Chí Thành, 2018). Với nội dung học tập được số hóa, người học sẽ có một lộ trình học tập riêng, có thể lựa chọn nội dung phù hợp với mục tiêu đào tạo. Hệ thống học tập số hóa cũng cung cấp phản hồi về hiệu quả học tập cùng với gợi ý cho các nội dung học tập tiếp theo. Người học có thể chủ động nghiên cứu tài liệu cũng như tương tác với giảng viên ở mọi thời điểm bằng máy tính hoặc điện thoại thông minh. Sự phát triển của các hình thức học trực tuyến giúp người học tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí. Công nghệ thực tế tăng cường/thực tế ảo (AR/VR) được sử dụng rộng rãi, giúp người học trải nghiệm và rèn luyện kĩ năng. Trong CMCN 4.0, việc áp dụng đào tạo trực tuyến trong các trường đại học nói chung, trường đại học tư thục (ĐHTT) nói riêng là một tất yếu, giúp nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo.

Bài báo trình bày khái quát xu hướng phát triển đào tạo trực tuyến trong CMCN 4.0, phân tích những thuận lợi, khó khăn của các trường ĐHTT khi áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến và đề xuất một số giải pháp phát triển đào tạo trực tuyến ở các trường ĐHTT ở Việt Nam thời gian tới.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Xu hướng phát triển đào tạo trực tuyến trong Cách mạng công nghiệp 4.0

Từ cuối những năm 1990, Chính phủ Mĩ đã ủng hộ, hỗ trợ việc dạy và học điện tử. Năm 2000, Mĩ có gần 47% các trường đại học, cao đẳng đã đưa ra các dạng khác nhau của mô hình đào tạo từ xa, tạo nên 54.000 khoá học trực tuyến. Số người tham gia học tăng 33% hàng năm trong khoảng thời gian 1999 - 2004. Cuối năm 2004, có khoảng 90% các trường đại học, cao đẳng Mĩ đưa ra mô hình E-learning (Bùi Việt Phú, 2012).

E-learning được triển khai ở các trường đại học và ở các công ty cũng diễn ra mạnh mẽ. Tại các doanh nghiệp, nhân viên được đào tạo quy trình nghiệp vụ trên hệ thống E-learning và LMS (Hệ thống quản lí học trực tuyến - Learning Management System). Qua đó, các nhân viên có đầy đủ các kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện tốt công việc của mình. Công nghệ có sự phát triển vượt bậc từ năm 2010 đã làm cho đào tạo trực tuyến đã thực sự lan tỏa trên toàn thế giới. Năm 2015 số người trên thế giới tham gia hệ thống E-learning khoảng 36 triệu người, tăng lên đến 60 triệu người năm 2016 và đạt gần 70 triệu người vào năm 2017. Sự gia tăng về số lượng người dùng đã kéo theo sự gia tăng không ngừng về doanh thu của ngành công nghiệp này. Số liệu tại hội thảo quốc tế lần thứ 19 về "Ứng dụng công nghệ thông tin và quản lí - ITAM" tổ chức vào năm 2018 cho thấy: năm 2016, doanh thu lĩnh vực E-learning trên toàn thế giới đạt 51,5 tỉ USD; năm 2017, thị trường giáo dục trực tuyến toàn cầu đạt hơn 100 tỉ USD (kết quả nghiên cứu của Công ty khảo sát thị trường Global Industry Analysts).

Khi E-learning bắt đầu trở thành một xu thế thế giới thì trong nước, E-learning đã trở thành một mô hình học tập thu hút lượng lớn người sử dụng, đặc biệt là tại các trường đại học. Đào tạo trực tuyến (E-learning) mở ra một môi trường học tập mới giúp người học có thể tương tác tương tác mọi lúc, mọi nơi trên các ứng dụng di động và mạng xã hội (Lê Văn Toán và Trương Thị Diễm, 2020).

2.2. Những thuận lợi và khó khăn trong áp dụng đào tạo trực tuyến ở các trường đại học tư thục hiện nay

2.2.1. Những thuận lợi

Thứ nhất, trong CMCN 4.0 các trường đại học nói chung, ĐHTT nói riêng có điều kiện cơ sở hạ tầng giáo dục số thuận lợi để phát triển đào tạo trực tuyến.

Hạ tầng của giáo dục số trong bối cảnh ứng dụng kết nối vạn vận trên nền tảng Internet (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây hiện nay đã mang lại nhiều cơ hội và khả năng to lớn giúp cho việc tái tạo, sản sinh tri thức, chia sẻ thông tin, "san bằng" các rào cản trong việc tiếp cận kiến thức (Phùng Xuân Nhạ, 2018). Đặc biệt, cùng với sự phát triển của công nghệ, giáo dục số sẽ dần trở thành một "hình thái quan hệ học tập mới" làm thay đổi mô hình dạy học vốn tồn tại khá lâu theo hệ hình từ trên xuống (Top - Down) hoặc dưới lên (Bottom - Up) sang hệ hình mạng lưới, mang tính chia sẻ xã hội (Social sharing) trong đó, người học sẽ trở thành trung tâm của mạng lưới học tập mang tính xã hội (Trần Thị Vân Hoa, 2018).

Ở Việt Nam, hạ tầng công nghệ đang phát triển nhanh chóng, mạng Internet với tốc độ đường truyền ngày càng cao và giá phí thấp. Việt Nam có số lượng người sử dụng Internet lớn thứ 6 châu Á và thứ 12 trên thế giới với 64 triệu người vào năm 2018. Về phương diện xã hội, Việt Nam cũng đang trong "thời kì dân số vàng", trong đó số lượng người dưới 30 tuổi chiếm trên 50% dân số, là những người dễ dàng tiếp cận với công nghệ thông tin và truyền thông. Vì vậy, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng phát triển E-learning lớn. Theo dữ liệu của tổ chức nghiên cứu thị trường Ambient Insight, Việt Nam nằm trong danh sách 10 quốc gia dẫn đầu về tỉ lệ phát triển E-learning dự báo cho giai đoạn 2014-2016. Thị trường E-learning Việt Nam theo đánh giá của các chuyên gia không dưới 2 tỉ USD và có tốc độ tăng trưởng 40%, tuy nhiên, phần lớn tập trung vào luyện thi, luyện ngoại ngữ và các kĩ năng mềm. Đây là những điều kiện khách quan thuận lợi để các trường ĐHTT có thể triển khai dạy học trực tuyến.

Thứ hai, hoạt động đào tạo ở các trường ĐHTT khá đa dạng, phong phú, với nhiều nội dung có thể áp dụng dạy học trực tuyến.

Hoạt động đào tạo ở các trường ĐHTT về cơ bản đáp ứng nhu cầu của thị trường. Năm học 2018-2019, có 16.327 giảng viên thuộc các trường ĐHTT trong tổng số 73.312 giảng viên cả nước, chiếm tỉ lệ 22,27%, tăng so với các năm học trước đó. Trong tổng số 21.106 giảng viên có trình độ từ tiến sĩ, các trường ĐHTT có 3.770 giảng viên chiếm tỉ lệ 17,86% (Thống kê giáo dục đại học năm học 2018-2019). Giảng viên trẻ, năng động giúp các nhà trường linh hoạt trong hoạt động đào tạo trực tuyến.

Tỉ lệ sinh viên nhập học vào trường ĐHTT tăng hàng năm. Cả nước có 1.526.111 sinh viên trong năm học 2018-2019, trong đó sinh viên các trường ĐHTT là 264.582, chiếm tỉ lệ 17.34%. Trong những năm gần đây, số lượng sinh

viên tốt nghiệp các trường ĐHTT thường xuyên chiếm từ 12-14% trở lên trong tổng số sinh viên tốt nghiệp hàng năm (Thống kê giáo dục đại học năm học 2018-2019). Đây là yếu tố thuận lợi, không thể thiếu giúp các trường ĐHTT có thể triển khai đào tạo trực tuyến ở các bậc học, môn học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của từng nhà trường.

Thứ ba, các trường ĐHTT đã có sự đầu tư lớn về cơ sở vật chất, nguồn học liệu số phục vụ cho dạy học trực tuyến.

Các trường ĐHTT đã đầu tư xây dựng khang trang, hiện đại, có những trường đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Theo danh sách các trường đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong nước, có 31 trường ĐHTT trong 149 trường đại học, có 02 trường ĐHTT trong 07 trường đại học đạt theo tiêu chuẩn nước ngoài (Cục Quản lí chất lượng - Bộ GD-ĐT).

Cùng với đầu tư cơ sở vật chất, các trường ĐHTT đã quan tâm đến phát triển các nguồn dữ liệu thông tin, nội dung kiến thức giáo dục đầu vào được số hóa (thiết kế, sản xuất, xuất bản, lưu trữ) và chuyển giao qua công cụ số nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về "đa giác quan hóa" và tương tác mạnh cho người học. Được phát triển trên nền tảng, công cụ số theo nguyên tắc giàu nội dung, đa định dạng, tương tác mạnh, tái sử dụng, dễ tiếp cận, tra cứu, chia sẻ và đóng góp… học liệu số dần trở thành mục tiêu, phương tiện hữu hiệu trong đào tạo trực tuyến của các ĐHTT. Không chỉ dừng lại ở việc "số hóa văn bản" hay "học liệu mở" như trước đây, các ứng dụng "game hóa" (gamification) tăng cơ hội nhập vai (immersive) và nhúng người học vào các môi trường thực-ảo để giải quyết vấn đề; mô phỏng thực tế 3D (3D simulation), hoạt hình (animation), tạo ảnh (hologram), tạo video, bài giảng bằng trí tuệ nhân tạo, E-book tương tác…đã giúp học liệu số không chỉ còn thuần túy cung cấp thông tin, nội dung học tập mà còn tạo khả năng tương tác mạnh với những nội dung đó cho người học.

2.2.2. Một số thách thức

Những thách thức của việc ứng dụng E-learning trong các trường ĐHTT bao gồm các khía cạnh thể chế, văn hóa, công nghệ, giáo dục, đạo đức:

Một là, Việt Nam đã có những chính sách vĩ mô từ Đảng và Nhà nước về thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục đại học (Phùng Xuân Nhạ, 2018). Tuy nhiên, việc triển khai chính sách trong thực tế còn chưa tốt, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục từ xa. Khung pháp lí chưa đầy đủ. Đã có quy định về điều kiện áp dụng E-learning nói chung (Bộ GD-ĐT, 2016) và khái niệm E-learning trong Quy chế đào tạo từ xa (Bộ GD-ĐT, 2017). Việc áp dụng E-learning cho đào tạo chính quy, đào tạo sau đại học không có cơ sở pháp lí rõ ràng để áp dụng. Tâm lí đánh giá thấp bằng cấp từ đào tạo từ xa và trực tuyến của nhà tuyển dụng và người học làm hạn chế khả năng thu hút người học.

Hai là, các trường ĐHTT thiếu kinh phí để đầu tư phát triển, các dự án thường tiến hành nhờ vào nguồn tài trợ của nước ngoài. Thiếu sự liên kết giữa các trường đại học nên tác động lan tỏa của các khoản đầu tư trên còn hạn chế. Môi trường học không kích thích được sự chủ động và sáng tạo của học viên. Năng lực đội ngũ giảng viên và đội ngũ quản lí giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển E-learning, cả về phương diện công nghệ lẫn nội dung. Một số giảng viên lớn tuổi không quen với việc sử dụng mạng Internet nên làm tăng khối lượng công việc cũng như áp lực cho giảng viên, làm nảy sinh ra các vấn đề liên quan đến an ninh mạng cũng như các vấn đề về sở hữu trí tuệ.

Ba là, đội ngũ giảng viên còn thiếu so với nhu cầu, còn một bộ phận giảng viên hạn chế về trình độ, năng lực (Lưu Văn An, 2019). Hầu hết các trường ĐHTT không thể bố trí đủ giảng viên cơ hữu, số giảng viên thỉnh giảng vẫn chiếm tỉ lệ lớn, phần lớn là giảng viên cơ hữu đều đã nghỉ hưu từ được mời về. Có những trường ĐHTT sau 8-10 năm thành lập có số giảng viên trình độ cao (giáo sư, tiến sĩ, tiến sĩ khoa học) rất ít. Việc đầu tư nhằm đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên ở các trường ĐHTT còn nhiều hạn chế.

Bốn là, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn nhiều khó khăn.

Đa số các trường có diện tích hẹp, phần lớn chưa đạt tiêu chuẩn diện tích phòng học, giảng đường. Nhiều trường ĐHTT chưa có cơ sở riêng, giảng đường, phòng làm việc đều phải đi thuê không có diện tích dành cho các hoạt động văn hóa, thể thao, chưa có kí túc xá. Hệ thống thư viện, kể cả thư viện điện tử của các trường nhìn chung là nhỏ, số lượng đầu sách nghèo nàn. Trang thiết bị thí nghiệm, thực hành ở phần lớn các trường đều thiếu thốn, lạc hậu (Báo cáo tóm tắt kết quả giám sát...). Cơ sở vật chất còn thiếu thốn nhưng tốc độ tăng chỉ tiêu tuyển sinh lại cao. Điều đó dẫn đến chất lượng đào tạo còn thấp, chưa tạo được sự đồng hướng về lợi ích, sự quan tâm đủ mạnh đến chất lượng giữa người học, người dạy, nhà đầu tư cho giáo dục, người sử dụng lao động và xã hội.

Năm là, nội dung và phương pháp dạy học của nhiều trường còn lạc hậu. Nội dung đào tạo của các trường ĐHTT nhìn chung còn lạc hậu. Việc xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình chưa quan tâm đúng mức; nội dung chương trình thiếu tính cập nhật, việc nhập khẩu các chương trình và giáo trình chưa được thẩm định nhằm đánh giá đầy đủ khả năng vận dụng và hiệu quả đối với giáo dục đại học nước ta.

2.3. Một số giải pháp phát triển đào tạo trực tuyến ở các trường đại học tư thục Việt Nam thời gian tới

2.3.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phát triển đào tạo trực tuyến ở các trường đại học tư thục Việt Nam

Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, lợi ích của đào tạo trực tuyến trong các trường ĐHTT cần được đẩy mạnh, không chỉ trong ngành Giáo dục mà còn với toàn xã hội. Các chủ thể quản lí, giảng viên, sinh viên các nhà trường cần nhận rõ những thuận lợi, khó khăn và những điều kiện để thực hiện đào tạo trực tuyến. Cần phải xây dựng lộ trình, kế hoạch đưa đào tạo trực tuyến vào các môn học và cả chương trình đào tạo. Các trường ĐHTT cần có sự phối kết hợp thực hiện các chiến dịch marketing hiệu quả cho các chương trình E-learning. Marketing góp phần đưa E-learning đến với mọi tầng lớp dân cư, từ đó khuyến khích tinh thần học tập cũng như rút ngắn những rào cản mà đào tạo truyền thống mang lại. Tăng cường hợp tác doanh nghiệp trong việc xây dựng các website E-learning. Tăng cường tập huấn về phương pháp, kĩ năng, sử dụng tổng hợp nhiều hợp phần để tạo bài giảng E-learning. Đồng thời, nâng cao hiệu quả của các diễn đàn trực tuyến, khẳng định vai trò tương tác khi đánh giá khóa học và kết quả của người học, đánh giá được vai trò và trách nhiệm của quản trị viên và các kĩ thuật viên cũng như những người hướng dẫn kĩ thuật.

2.3.2. Nhà nước cần sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tài chính cho giáo dục đại học nói chung và đại học tư thục nói riêng nhằm tạo khung pháp lí đồng bộ để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho trường đại học tư thục phát triển

Khó khăn về tài chính là một trong những trở lực của các trường ĐHTT để phát triển đào tạo trực tuyến. Do đó, cần đặc biệt lưu ý tới vấn đề thu hút nguồn vốn đầu tư vào ĐHTT. Quy định lại quyền sở hữu tài sản đối với những người góp vốn thành lập. Đảm bảo hoạt động đầu tư của họ sẽ đem lại lợi nhuận chứ không phải đơn thuần giống như một hình thức gửi tiết kiệm. Mọi hoạt động đầu tư ai cũng mong muốn tạo ra lợi nhuận, dù chưa được khẳng định nhưng đầu tư vào ĐHTT cũng là một hình thức kinh doanh hướng tới lợi nhuận, nhưng không phải như các doanh nghiệp kinh doanh vì lợi nhuận thuần túy, phần lợi nhuận của cơ sở ĐHTT sẽ tiếp tục tái đầu tư phát triển để nâng cao chất lượng đào tạo và nhà đầu tư chỉ hưởng phần lợi nhuận hợp lí.

Điều chỉnh, bổ sung các chính sách hỗ trợ về tài chính đối với các trường ĐHTT. Nếu chỉ có một nguồn thu từ học phí của các sinh viên với đòi hỏi đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng như xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị hiện đại, đầu tư xây dựng đội ngũ GV, đồng thời phải đóng thuế cho Nhà nước nữa thì nguồn tài chính của ĐHTT sẽ gặp rất nhiều khó khăn nên cần thiết phải được sự hỗ trợ tài chính từ phía Nhà nước để phát triển quy mô và chất lượng của các cơ sở ĐHTT. Không nên đánh thuế các trường ĐHTT phi lợi nhuận. Đánh thuế các trường ĐHTT chính là đánh thuế sinh viên, vì nguồn thu chính của trường ĐHTT là học phí. Nếu bị đánh thuế, các trường sẽ nâng học phí lên, người "chịu trận" sẽ là sinh viên. Đó không chỉ là cách mà Nhà nước hoàn thành nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công của mình mà còn là cách để hoàn thiện các dịch vụ công cung ứng cho xã hội.

2.3.3. Quan tâm phát triển đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên có vai trò đặc biệt quan trọng đối với mỗi cơ sở giáo dục, là người định hướng cho việc học tập của sinh viên, góp phần hình thành phẩm chất, nhân cách, trình độ năng lực và kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Đội ngũ giảng viên là tài sản quý giá đảm bảo sự tồn tại và phát triển của các trường ĐHTT. Họ có vai trò tạo nên thương hiệu, đẳng cấp của cơ sở đào tạo ở trong nước cũng như quốc tế. Ngày nay, đội ngũ giảng viên có sứ mạng vô cùng quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực vừa có trình độ chuyên môn cao, vừa có phẩm chất nhân cách tốt - những công dân có khả năng đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển đất nước. Chất lượng đội ngũ giảng viên còn là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá, kiểm định chất lượng trường đại học. Do đó việc chăm lo xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên các trường ĐHTT sẽ tạo được sự chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục đại học, đáp ứng được những yêu cầu mới đối với phát triển KT-XH của quốc gia.

Để chuẩn bị cho một đội ngũ nhân lực có trình độ cao sẵn sàng cho CMCN 4.0, cần có hình thức đào tạo đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu dạy học hiện đại nhất, như có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin dạy học, có khả năng sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại và quan trọng hơn cả là năng lực tự học, tự nghiên cứu khoa học.

2.3.4. Nâng cấp hạ tầng phục vụ E-learning

Hạ tầng tốt đóng vai trò quan trọng, quyết định thành công việc triển khai dạy - học trực tuyến, trong khi việc phát triển cơ sở hạ tầng để phục vụ E-learning với việc cải cách và nâng cấp không thể diễn ra trong ngắn hạn. Vì thế, các ĐHTT cần phân bổ về tài chính cũng như sắp xếp về thời gian hợp lí để vẫn tiếp tục thực hiện đồng thời cả hai hoạt động giảng dạy và nâng cấp hạ tầng mà không ảnh hưởng tới người học.

Bộ GD-ĐT cần phát triển hệ thống LMS và LCMS phù hợp hỗ trợ cho việc đào tạo trực tuyến (LMS quản lí các hoạt động học tập online, LCMS quản lí nội dung học tập); phát triển nguồn học liệu bài giảng đa phương tiện cho đào tạo trực tuyến. Bộ cũng cần có quy định về quy chuẩn cơ bản việc đào tạo theo hình E-learning là xu thế tất yếu của xã hội, quy định chuẩn tối thiểu về đào tạo E-learning như cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, người dạy, người học, đề cương học phần; công nhận kết quả học online…

2.3.5. Tăng cường hợp tác giữa đại học tư thục và doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo trực tuyến

Trong bối cảnh CMCN 4.0, yếu tố cốt lõi của việc xây dựng hệ thống giáo dục đại học đó là đào tạo gắn liền với yêu cầu thực tiễn, đào tạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Phát triển mô hình đào tạo gắn kết giữa cơ sở giáo dục (nhà trường) với doanh nghiệp được xem là yêu cầu quan trọng được đặt ra. Để tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa ĐHTT và các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến cần thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp.

1) Mở rộng liên kết đào tạo giữa doanh nghiệp với ĐHTT. Phía doanh nghiệp sẽ đóng vai trò là những nhà cung cấp thông tin để các cơ sở đào tạo nắm được nhu cầu của thị trường lao động. Hoạt động đào tạo của trường đại học, cao đẳng luôn hướng tới nhu cầu doanh nghiệp. Phía nhà trường đảm bảo cung cấp những lao động đáp ứng đúng nhu cầu của doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp được hợp tác với cơ sở đào tạo cũng là nhu cầu thiết thực của chính doanh nghiệp. Do đó, mối liên kết này vừa mang tính tất yếu, vừa mang tính khả thi cao trong việc đáp ứng lao động cho doanh nghiệp.

2) Các ĐHTT và doanh nghiệp kết hợp trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Việc chuyển giao khoa học và công nghệ có hai khía cạnh. Thứ nhất là nghiên cứu và chuyển giao giúp nâng cao năng lực nghiên cứu trong nhà trường và đẩy mạnh sản xuất doanh nghiệp theo hướng cải tiến theo nhu cầu. Khi mà nguồn nhân lực trí tuệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và là nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thì việc triển khai và kết hợp chặt chẽ giữa trường và doanh nghiệp về nghiên cứu khoa học là một xu thế, một biện pháp tích cực của nền giáo dục năng động, sáng tạo. Thứ hai, nhà trường có sẵn đội ngũ trí thức được đào tạo một cách bài bản, có đủ năng lực để tiếp nhận chuyển giao những công nghệ mới tiên tiến, từ đó triển khai áp dụng cho doanh nghiệp. Về mặt này, rõ ràng doanh nghiệp được lợi về mặt tiết kiệm thời gian và tận dụng được nguồn lực ngoài. Cũng từ hoạt động này, nhà trường được nhanh chóng tiếp cận các công nghệ mới dựa vào nguồn lực từ doanh nghiệp.

3) Chính phủ định hướng, đưa nguồn lực từ các tổ chức nước ngoài giúp thúc đẩy sự gắn kết giữa các trường ĐHTT và doanh nghiệp ở Việt Nam. Với doanh nghiệp, việc tiếp cận các tổ chức nước ngoài mở ra cơ hội mới để doanh nghiệp tiếp cận thị trường và các nguồn lực ngoài nước. Về phía nhà trường, việc dựa vào nguồn lực từ các tổ chức nước ngoài để tiến hành liên hệ và gắn kết với doanh nghiệp sẽ nâng vị thế và uy tín của mình trong mối quan hệ ấy.

3. Kết luận

Cùng với sự phát triển của CMCN 4.0, đào tạo trực tuyến đã không còn là hình thức xa lạ đối với các trường ĐHTT. Các chuyên gia giáo dục nhận định, cùng với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu học tập suốt đời ngày càng tăng, học tập trực tuyến E-learning là một xu hướng tất yếu mà các nước trên thế giới cũng như Việt Nam hướng tới và đẩy mạnh. Đào tạo trực tuyến E-learning mang lại nhiều lợi ích như đơn giản và dễ tiếp cận đối với người học; tính linh hoạt giúp người học hoàn toàn chủ động về thời gian, không gian học, lựa chọn khóa học, nội dung học tập phù hợp; giáo trình, tài liệu có tính đồng bộ cao... Tuy nhiên, việc áp dụng hình thức đào tạo này ở các trường ĐHTT, bên cạnh những thuận lợi cơ bản vẫn còn nhiều khó khăn, trở ngại. Do đó, để phát triển đào tạo trực tuyến, các trường ĐHTT cần phải hành động quyết liệt, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp; đồng thời cần có sự hỗ trợ, định hướng kịp thời từ phía Chính phủ và các cơ quan quản lí nhà nước.

Tài liệu tham khảo

Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/04/2016 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí, tổ chức đào tạo qua mạng.*

Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/04/2017 ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học.*

Bộ GD-ĐT (2020). *Số liệu thống kê giáo dục đại học năm học 2018-2019*. https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ko-giao-duc-dai-hoc.aspx?ItemID=6636, truy cập ngày 28/04/2020.

Bùi Việt Phú (2012). *Ứng dụng E-learning trong dạy học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 84, tr 14-16.

Cục Quản lí chất lượng - Bộ GD-ĐT (2020). *Danh sách các cơ sở giáo dục được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục* (cập nhật đến ngày 30/11/2020). https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=7118, ngày 30/11/2020.

Klaus Schwab (2018). *The Fourth Industrial Revolution*. Penguin Random House Audio.

Lê Văn Toán, Trương Thị Diễm (2020). *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo trực tuyến trong giáo dục đại học trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 2 tháng 5, tr 33-36.

Lưu Văn An (2019). *Giáo dục đại học Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. NXB Khoa học xã hội.

Phan Chí Thành (2018). *Cách mạng công nghiệp 4.0 - Xu thế phát triển của giáo dục trực tuyến*. Tạp chí Giáo dục, số 421, tr 43-46.

Phùng Xuân Nhạ (2018). *Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Tạp chí Cộng sản, http://dulieu.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2018/51835/Giao-duc-Viet-Nam-trong-boi-canh-cuoc-cach-mang-cong-nghiep.aspx, ngày 11/8/2018.

Trần Thị Vân Hoa (2018). *Cách mạng công nghiệp 4.0 - Vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.